

## Sự suy tàn của Phật giáo tại Pakistan

ISSN: 2734-9195 14:35 21/03/2026

Trước khi Hồi giáo du nhập, Phật giáo chia sẻ lòng mộ đạo và các nghi lễ tôn giáo của Bà La Môn giáo với Ấn Độ giáo, vốn là đối thủ chính của Phật giáo.

Tác giả: **Tiến sỹ Munazza Batool**

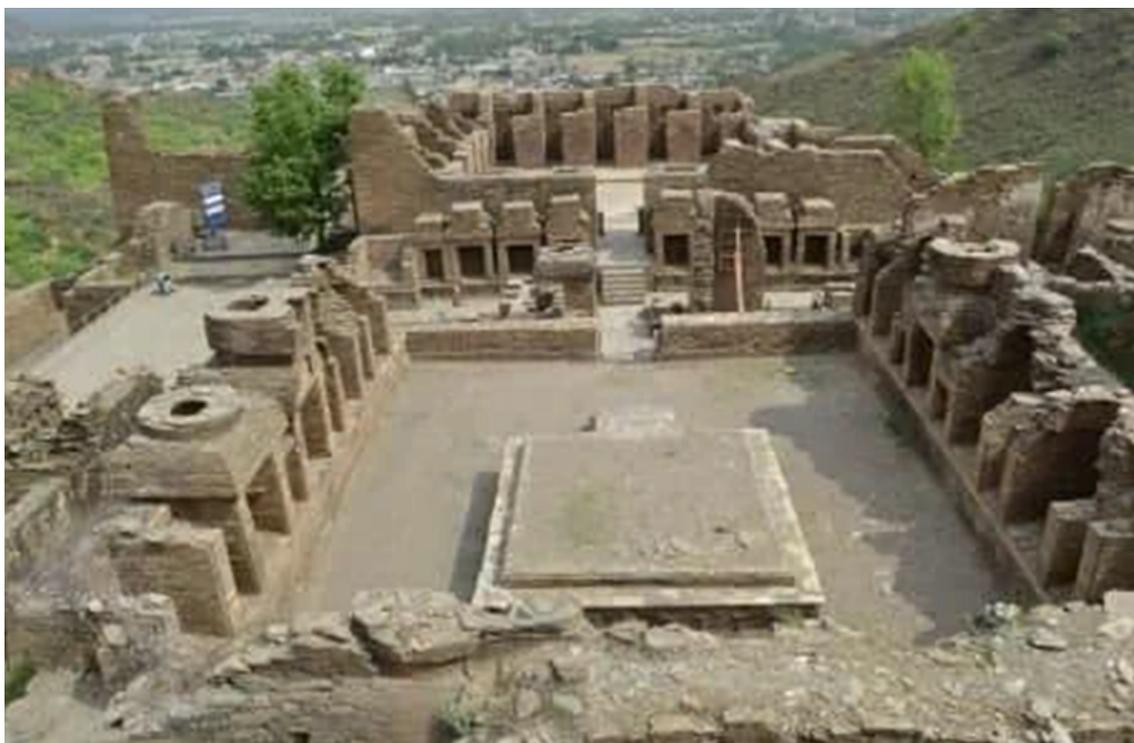
Viết dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: <https://pjsr.com.pk>

**Tóm tắt:** Sự suy tàn của đạo Phật ở **Pakistan** thường được biết đến từ khi Hồi giáo du nhập. Không thể phủ nhận rằng, các vùng chủ yếu theo đạo Hồi từng là những khu vực ảnh hưởng của Phật giáo. Tuy nhiên, liệu việc Hồi giáo du nhập vào các vùng này có dẫn đến việc tất cả phật tử đều cải đạo sang Hồi giáo hay không? Sự chuyển đổi cải đạo này đã diễn ra như thế nào? Và vào thời điểm lịch sử nào?

Bài viết phân tích luận điểm này bằng cách nghiên cứu các tài liệu lịch sử, phác thảo bức tranh tôn giáo của tiểu lục địa vào thời điểm từ khi Hồi giáo du nhập vào Pakistan, một quốc gia ở Nam Á.

Những tư liệu phân tích là nguồn dữ liệu được trích dẫn từ các câu chuyện địa phương của Ấn Độ, ghi chép của những nhà hành hương chiêm bái Phật giáo từ Trung Hoa và các văn bản lịch sử Hồi giáo.



## Lời mở đầu

Khi chúng ta thảo luận về Phật giáo ở Pakistan, thường nghĩ đến các di tích lịch sử Phật giáo rải rác khắp đất nước. Trong số đó có nhiều bảo tháp Phật giáo, chẳng hạn như **Bảo tháp Dharmarajika** (tiếng Punjabi, tiếng Urdu: کجار مرہد اپوٹسا), được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới vào năm 1980, là công trình Phật giáo cổ nhất và lớn nhất tại Taxila, nằm bên bờ suối Dharma. Công trình này được xây dựng để cất giữ xá lợi Phật do vua A Dục (Ashoka Đại Đế) còn được gọi là Dharmaraja ("*Vua của Chính pháp*") - phân phối và tôn thờ.

Vì thế, tên gọi "*Dharmarajika*" có nghĩa là "*ngôi tháp Pháp vương*", Tháp nhỏ (Votive stupa), Tháp Shingerdar (Thượng Quân Vương Phật), tọa lạc tại Barikot, Thung lũng Swat, phía tây bắc Pakistan, bảo tháp Amluk Dara, tọa lạc tại Nawagai, Swat và công trình điêu khắc nổi tiếng thế giới, Tượng Phật Swat được tạc vào vách đá ở Pakistan từ thế kỷ VII, biểu tượng của sự khoan dung, hòa bình và tình huynh đệ, đã bị phiến quân Taliban phá hủy vào năm 2007, nhiều di tích Phật giáo khác.

Chúng ta có thể quan tâm đến các bảo tàng ở Taxila và Peshawar, nơi trưng bày các di vật Phật giáo được tìm thấy ở đó, bao gồm tiền xu, tượng điêu khắc và các hiện vật khác (Hassan, 2017).

Ngày nay, sự hiện diện của Phật tử ở Pakistan gần như không đáng kể; gần đây chỉ một số ít người Pakistan tự nhận mình là Phật tử, nhưng điều này chưa bao giờ là trọng tâm của nghiên cứu trong giới học thuật. Nghiên cứu học thuật tập trung vào quá khứ của Phật giáo, lịch sử của nó ở các vùng khác nhau của

Pakistan.

Những nghiên cứu về lịch sử Phật giáo này thường bị đơn giản hóa quá mức, thường sử dụng một câu chuyện mạnh mẽ làm cơ sở cho việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo. Một lời giải thích thuyết phục cho sự suy tàn của Phật giáo ở Pakistan dần dần suy yếu trong khu vực sau khi Hồi giáo du nhập.

Theo quan điểm này, khi **Hồi giáo** du nhập đã dẫn đến sự hủy diệt văn hóa Phật giáo và việc cải đạo những người theo Phật giáo sang Hồi giáo... (Johan Elverskog, 2010, tr. 1) Tuy nhiên, dù luận điểm này có phổ biến đến đâu, việc xem nó là cơ sở duy nhất để giải thích lịch sử phức tạp của Phật giáo trong khu vực trước khi Hồi giáo du nhập, cũng như sự tương tác và mối quan hệ kéo dài 1.300 năm giữa Hồi giáo và Phật giáo ở Trung Á, Nam Á và Đông Nam Á, là điều không dễ dàng.

Sự tồn tại và tương tác của những người theo Phật giáo ở các vùng khác nhau dưới sự cai trị của Nhà nước Hồi giáo cũng mâu thuẫn với quan điểm cho rằng người Hồi giáo đã phá hủy di sản Phật giáo và ép buộc những người theo Phật giáo trong khu vực cải đạo sang Hồi giáo.

Để ôn lại quá trình phát triển của Phật giáo ở Pakistan và tìm hiểu những lý do dẫn đến sự suy tàn của Phật giáo, cần phải xem xét lịch sử Phật giáo ở Pakistan thông qua nhiều tài liệu lịch sử khác nhau và cân nhắc các yếu tố tôn giáo, kinh tế và xã hội. Điều này đòi hỏi một phân tích chuyên sâu về các điều kiện kinh tế - xã hội và tôn giáo trong thời kỳ Hồi giáo chinh phục khu vực này. Cuộc chinh phục của người Hồi Giáo bắt đầu sau cái chết của vị sứ giả Hồi giáo Muhammad.

Ông thành lập một chính thể thống nhất Bán đảo Ả Rập và sau đó được mở rộng bởi Rashidun và Umayyad Caliphates. Họ đã mở rộng lãnh thổ ra khỏi bán đảo Ả Rập. Vào lúc đỉnh cao biên giới phía đông của họ đã giáp với nhà Đường ở Trung Hoa, khắp vùng Trung Đông, Bắc Phi và bán đảo Iberia. Những cuộc chinh phục này đem theo sự truyền bá đạo Hồi ra khỏi bán đảo Ả Rập. Bản thân cuộc chinh phục Hồi giáo là một quá trình diễn ra theo từng giai đoạn, và tình trạng của Phật giáo trong khu vực trong giai đoạn này cũng cần được nhận xét trước khi có thể đưa ra bất kỳ kết luận tổng quát nào.

Nếu nhận xét lịch sử Phật giáo ở các vùng ngày nay thuộc **Cộng hoà Hồi giáo Pakistan**, chúng ta thấy rằng Phật giáo nơi đây đã phát triển mạnh mẽ. Quá khứ lịch sử Phật giáo thịnh vượng ở Pakistan đã để lại dấu ấn trong khu vực thông qua các hiện vật, nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo. Những di tích Phật giáo này giúp chúng ta hiểu được trong quá khứ ánh sáng đạo nhiệm mầu và hạnh đức Như Lai, Phật pháp từ bi, trí tuệ, hùng lực, tự do, bình đẳng đã lan toả

đến các vùng này. Nền văn minh Gandhāra<sup>1</sup>, phát triển mạnh mẽ ở vùng đất ngày nay là Cộng hoà Hồi giáo Pakistan, là cái nôi của Phật giáo Đại thừa, và nền văn hóa, nghệ thuật Gandhāra và học thuật nổi tiếng về cơ bản mang đậm bản sắc Phật giáo (Brancaccio & Behrendt, 2006).

Về mặt lịch sử, những ghi chép sớm nhất về nền văn minh Gandhāra có từ thế kỷ thứ VI trước Tây lịch, thời trị vì của vị Hoàng đế khai quốc của Đế quốc Ba Tư dưới Triều đại nhà Achaemenes, Cyrus Đại đế, nhưng một mô tả địa lý chi tiết có thể đã được hoàn thành lần đầu tiên bởi Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang (602-664), vị cao tăng Phật giáo Trung Hoa. Khi Ngài đến du khảo nền văn minh Gandhāra, nơi đây đang trong thời kỳ suy tàn, với các cơ sở tự viện Phật giáo đổ nát. Như Ngài mô tả, những cảnh tượng ông miêu tả phản ánh sự suy tàn của Phật giáo trong khu vực. Lời kể của Ngài trong tập hồi ký “Đại Đường Tây Vực ký” (tiếng Trung: 大唐西域记) rất hữu ích trong việc xem xét lại quá khứ Phật giáo ở đây.



Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang đã mô tả khá chính xác nền văn minh Gandhāra, đề cập đến các thành phố và di tích quan trọng của nó. Dựa trên những tài liệu ban đầu và các phát hiện khảo cổ, nền văn minh Gandhāra bao gồm thung lũng Peshawar, các ngọn đồi Sawat, Dir, Buner và Bajaur, những khu vực hiện nay thuộc miền bắc Pakistan. Ngày nay, người dân nước Cộng hoà Hồi giáo Pakistan tự hào có những ngôi bảo tháp Phật giáo cổ kính và được tôn kính - Taxila và Swat - cũng như nhiều địa điểm khác có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với Phật giáo.

Các bản thảo được phát hiện ở vùng Gilgit-Baltistan được coi là những kinh điển Phật giáo cổ nhất còn tồn tại (các bản thảo Gilgit, bộ sưu tập bản thảo cổ nhất

còn tồn tại ở Pakistan và Ấn Độ: Lịch sử thông tin, không rõ thời gian nào).

So với các di tích của các tôn giáo khác, Pakistan tự hào có số lượng di tích khảo cổ Phật giáo nhiều nhất, và những di tích Phật giáo cổ đại này đã được khám phá và nghiên cứu kỹ lưỡng hơn. Ngày nay, các di vật khảo cổ Phật giáo ở Pakistan chủ yếu nằm ở vùng Gandhāra cổ đại. Di tích Phật giáo quan trọng nhất là thành phố Taxila, nằm cách Islamabad khoảng 35 km. Các di tích Phật giáo cổ đại được phát hiện ở Taxila có niên đại từ thế kỷ V trước Tây lịch đến thế kỷ thứ V sau Tây lịch, kể lại một thiên niên kỷ của nền văn minh Phật giáo hưng thịnh trong khu vực.

Những di tích khảo cổ Phật giáo cổ đại này, nằm rải rác khắp Taxila và các vùng lân cận, được coi là linh thiêng bởi nhiều giáo phái Phật giáo vì chúng được cho là có liên hệ mật thiết với cuộc đời của đức Phật. Những dữ liệu khảo cổ Phật giáo phong phú này cho thấy rằng Taxila và khu vực xung quanh là trung tâm của điêu khắc, kiến trúc và học thuật Phật giáo trong nhiều năm. Do ý nghĩa Phật giáo của những di tích này và các hiện vật liên quan đến cuộc đời của đức Phật, Bảo tàng Taxila thu hút rất nhiều du khách Phật giáo mỗi năm.

Tương tự, tại tàn tích Phật giáo Takht-i-Bahi và thị trấn cổ Sahr-i-Bahlol, Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan, một địa điểm khảo cổ và lịch sử quan trọng đã được phát hiện, bao gồm tàn tích của một ngôi cổ tự Phật giáo cổ đại nằm trên đỉnh núi ở độ cao khoảng 152 mét. Tàn tích Phật giáo Takht-i-Bahi được liệt kê là Di sản Thế giới vào năm 1980, với **UNESCO** mô tả nó là “*được bảo tồn đặc biệt tốt*”, được coi là địa điểm khảo cổ Phật giáo lớn nhất có niên đại từ thời nền văn minh Gandhāra. Địa điểm này là một tu viện Phật giáo cổ đại được bảo tồn tốt, chứa nhiều hiện vật và di tích, bao gồm hai bảo tháp Phật giáo. Bên cạnh hai bảo tháp Phật giáo này, nhiều hiện vật và di tích khác cũng được tìm thấy.



Nhiều di tích Phật giáo khác đã được khai quật và nghiên cứu bởi nhiều nhóm và cuộc khảo sát khảo cổ khác nhau. Tope Mankiala gần Rawalpindi, là một địa điểm Phật giáo khác, nơi theo truyền thuyết, đức Phật đã hiến dâng một phần cơ thể của mình cho bảy con hổ con đoi. Katas Raj, một quần thể đền thờ gần Jehlum, là một quần thể đền thờ chứa nhiều đền thờ Hindu, Phật giáo và Kỳ Na giáo, và nằm gần một bảo tháp Phật giáo nổi tiếng<sup>2</sup>. Tương tự, chỉ riêng ở Peshawar đã có hơn 500 di tích và công trình kiến trúc lịch sử. ('Long Read', 2019).

Thung lũng Swat, một huyện nằm ở trung tâm thượng nguồn sông Swat thuộc tỉnh miền bắc Khyber Pakhtunkhwa của Pakistan tự hào có rất nhiều tác phẩm điêu khắc và bảo tháp Phật giáo, bao gồm cả một bức tượng Phật ngồi từng tọa lạc ở Jhanabad, Pakistan. Thật không may, các ngôi bảo tháp và tượng Phật giáo thời Kushan ở thung lũng Swat đã bị Taliban, một tổ chức quân sự và phong trào Hồi giáo Deobandi tại Afghanistan, hiện đang tiến hành Chiến tranh Afghanistan phá hủy. Taliban đã hai lần phá hủy bức tượng Phật Jhanabad bằng thuốc nổ, nhưng cuối cùng chỉ có khuôn mặt bị phá hủy.

Chỉ có Các tượng Phật tại Bamiyan, hai bức tượng đức Phật thế kỷ VI được khắc sâu vào núi đá ở thung lũng Bamiyan, thuộc vùng núi Hazarajat, trung tâm Afghanistan, lớn hơn cả tượng Phật khổng lồ gần Mangalore ở thung lũng Swat, cũng bị Taliban tấn công và phá hủy. Kashmir và Ladakh cũng là những trung tâm nghiên cứu Phật học, và các di tích Phật giáo nằm rải rác khắp tỉnh Sindh, Pakistan. Không còn nghi ngờ gì nữa, tất cả những di tích Phật giáo khảo cổ này chứng minh rằng một số lượng đáng kể Phật tử từng sinh sống ở vùng đất ngày nay là Cộng hòa Hồi giáo Pakistan.

Ngoài khảo cổ học, việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo cho thấy nền văn minh Gandhāra cũng là cái nôi của Phật giáo Đại thừa (Buddhism Mahāyāna)<sup>3</sup>. Điều đáng quan tâm là nhiều trường phái Phật giáo Đại thừa<sup>4</sup> phát triển mạnh ở nhiều vùng khác nhau đều truy nguồn gốc, bản dịch kinh điển và nghiên cứu Phật giáo đến nền văn minh Gandhāra (ngày nay là Cộng hòa Hồi giáo Pakistan) hoặc các trung tâm Phật giáo lan rộng qua nền văn minh Gandhāra. Kinh điển của các trường phái Phật giáo này đã được dịch sang tiếng Trung Hoa, tiếng Tây Tạng và các ngôn ngữ khác. Trong nhiều thế kỷ, các vị cao tăng Phật giáo Trung Hoa đã hành hương du khảo qua nền văn minh Gandhāra, và các bậc Đại sư Phật giáo Ấn Độ đã đến Trung Hoa, cuối cùng dẫn đến số lượng kinh điển Phật giáo bằng tiếng Trung Hoa lớn nhất. (R. U. Samad, 2011, tr. 220)

Khu vực nền văn minh Gandhāra này rất giàu hiện vật liên quan đến Kinh Bản Sinh (Jātaka) là tuyển tập 547 câu chuyện (thường gọi là hơn 500) thuộc Tiểu bộ



Hơn nữa, sự sụp đổ của người White Huns (Hung Nô trắng) - được biết như người Hephthalites của Hy Lạp và Turushkas của Ấn Độ - họ chiếm hầu hết các vùng lãnh thổ Kushan xưa từ Sassanids, bao gồm cả Pakistan và Afghanistan, trước khi Hồi giáo du nhập cũng nên được xem xét như một yếu tố góp phần vào sự suy tàn của Phật giáo trong khu vực. (Frye, 1984, p. 351)



Nhiều bằng chứng lịch sử cho thấy sự suy tàn và thoái hóa của Phật giáo đã bắt đầu từ rất lâu trước khi Hồi giáo du nhập, và ảnh hưởng của Hồi giáo không phải là nguyên nhân duy nhất.

Thứ nhất, chúng ta phải nhớ rằng Phật giáo không phải là tôn giáo ảnh hưởng lớn ở tiểu lục địa Ấn Độ, cũng không thể xem là một hệ thống tín ngưỡng chính thống ngay từ đầu. Đây một giáo lý không chính thống, trái ngược với phong tục tập quán phổ biến ở Ấn Độ thời bấy giờ. Cả Phật giáo và Kỳ Na giáo đều bị coi là dị giáo (Nastiks). (Nicholson, 2013, tr. 166-179) đức Phật Thích Ca Mâu Ni có rất nhiều tín đồ tuân theo hệ thống đạo đức của Ngài.

Về cơ bản Giáo lý của Ngài là một thách thức đối với hệ thống đẳng cấp Bà La Môn, trong đó các đẳng cấp thấp hơn không được quyền nghiên cứu những chân lý cao hơn, cụ thể là kinh Véda, cội gốc của giới Bà La Môn và là suối nguồn của nền văn minh Ấn Độ, ca ngợi các vị thần, như thần lửa, thần núi, thần sông... ca tụng những vẻ đẹp huy hoàng, tung bừng và mẫu nhiệm của

cuộc sống trong vũ trụ.

Trong khi đức Phật thuyết giảng một cách không phân biệt, đi khắp các thị trấn và thành phố cùng với các Phật giáo đồ của Ngài, tuyên bố giúp cuộc sống nhân loại trên hành trình giải thoát, chữa lành, chuyển hoá tam độc tham, sân, si thành tam vô lậu học Giới, Định, Tuệ. Gần ba thế kỷ sau sứ mệnh của đức Phật, vị Đại đế vĩ đại Ashoka đã cải đạo sang Phật giáo. Việc Đại đế vĩ đại Ashoka cải đạo đã biến đạo Phật thành quốc giáo được nhà nước bảo trợ.



Vị Đông cung Thái tử, con trai yêu quý của **Đại đế vĩ đại Ashoka**, Hoàng tử Mahinda (285-205 trước Tây lịch), hoàng huynh của Công chúa Sanghamitra, sau khi xuất gia, Ngài là vị Sứ giả Như Lai, truyền bá triết lý đạo Phật lan rộng về phía nam châu Á (Hirakawa, 1993, tr. 95-104). Vị cao tăng Mahinda được Đại đế vĩ đại Ashoka công cử làm nhà truyền giáo Phật giáo đến vương quốc Anuradhapura ở Sri Lanka. Cao tăng Mahinda đạt được giác ngộ, chứng thánh quả A La Hán và cư ngụ tại Mihintale. Ngài đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá Phật giáo khắp tiểu lục địa Ấn Độ.

Từ thế kỷ I sau Tây lịch trở đi, một số bước phát triển quan trọng đã xảy ra trong lịch sử Phật giáo. Những sự phát triển này bao gồm việc triệu tập các Hội đồng Tăng đoàn Phật giáo thanh tịnh, hoà hợp để xác định các quy tắc và quy định của Tăng đoàn Phật giáo, việc biên soạn kinh điển, và quan trọng nhất là sự phân chia Tăng đoàn Phật giáo - Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna Buddhism) và Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda Buddhism).

Tương tự, việc xây dựng các quần thể cơ sở tự viện Phật giáo quy mô lớn cũng bắt đầu trong thời kỳ này. Ngoài ra, Kinh Bản Sinh (Jataka) là tập hợp 547 câu chuyện kể về các tiền kiếp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thuộc Tiểu Bộ Kinh trong Pali tạng và các tài liệu liên quan đến xá lợi của đức Phật cũng xuất hiện. Những câu chuyện này kể lại cách bước chân của đức Phật đã thánh hóa vùng

đất này. Tương truyền rằng đức Phật đã viếng thăm nơi này trong một trong những kiếp tái sinh của Ngài, đi ngang qua đây và hiến dâng các bộ phận cơ thể của mình cho người nghèo đói.

Những sự phân chia các bộ phái Phật giáo này đã làm phong phú thêm văn hóa Phật giáo và mở rộng phạm vi địa lý của nó. Thời đại của Bồ tát Long Thọ (150-205), một trong những luận sư vĩ đại nhất của lịch sử Phật giáo, Phật giáo Đại thừa có khuynh hướng đã phá Phật giáo Tiểu thừa rất nặng, đặc biệt là Đề Bà đệ tử Long Thọ, để phát huy Đại thừa vì họ lý luận rằng những người Tiểu thừa thọ hưởng hạt giống từ bi, trí tuệ, giải thoát và giác ngộ từ đạo Phật mà lại không tiếp tục gieo trồng và phát triển để những hạt giống Bồ-đề này trở thành những gì tốt đẹp cho thế giới nhân loại. Nếu hành trì đạo Phật theo lối này thì Phật Pháp sẽ không còn tồn tại trên cõi đời này nữa.

Các bậc cao tăng, Đại sư Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna Buddhism) đã tập trung nỗ lực hoằng dương Phật pháp ở phần phía bắc của tiểu lục địa, thuộc khu vực ngày nay là Kashmir và Pakistan. Trong khi Phật giáo Nguyên thủy (Theravāda Buddhism) phát triển mạnh mẽ chủ yếu ở phía nam, khu vực mà các bậc thầy đầu tiên giảng dạy, thì giáo lý Phật giáo Đại thừa lại lan rộng ở phía bắc và từ đó đến Đông và Trung Á.

“*Cao tăng truyện*” (chữ Hán: 高僧傳), bộ tuyển tập truyện ghi chép sự tích về các cao tăng Phật giáo nổi tiếng ở Trung Hoa từ lúc Phật giáo mới du nhập vào Trung Hoa đến đầu nhà Lương, ghi lại các tài liệu và bản đồ cổ của Trung Hoa mô tả phạm vi nghiên cứu Phật giáo chỉ giới hạn ở vùng Gandhāra cổ đại, huộc khu vực ngày nay là tây bắc Pakistan và đông Afghanistan.

Các mô tả địa lý về các nhà sư đến học tập và tôn kính đức Phật trong các tài liệu Trung Hoa thế kỷ IV và thế kỷ V này phù hợp chặt chẽ với định nghĩa địa lý của nền văn minh Phật giáo Gandhāra cổ đại - vùng đất nổi tiếng với sự giao thoa Phật giáo Ấn Độ và nghệ thuật Hy Lạp (Brancaccio & Kurt Behrendt, 2006, tr. 107) Chính tại vùng đất này, các vị cao tăng Phật giáo từ Trung Hoa xa xôi đã đến hành hương để chiêm ngưỡng, chạm vào và thờ lạy bát khất thực của đức Phật. Vì vậy, Cao tăng Pháp Hiển đã đề cập rằng “*bát khất thực của đức Phật ở vùng đất này,*” cụ thể là thành phố Purushapura, tức là Peshawar ngày nay.

Cao tăng Pháp Hiển (chữ Hán: 法顯 ; 337-422) vị cao tăng và dịch giả Phật giáo Trung Hoa, người đã từng bước chân bộ hành từ Trung Hoa đến Ấn Độ, thăm nhiều địa điểm Phật giáo thiêng liêng ở Tân Cương, Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Bangladesh và Sri Lanka từ năm 399 đến năm 412 để sưu tầm các bản kinh của Phật giáo. Cuộc hành trình của Ngài được ghi lại trong “*Phật quốc ký*” (佛國記).

Cao tăng Pháp Hiển mô tả sống động chiếc bát được tôn kính bậc nhất: “*Chiếc bát sáng bóng, lấp lánh với màu sắc rực rỡ, chủ yếu là màu đen, dày khoảng một phần năm inch, đủ lớn để chứa hơn hai peck, và các đường nối của bốn lớp đều có thể nhìn thấy rõ.*” Ngài đã ghi lại sự tôn kính của người dân đối với chiếc bát: “*Vào khoảng giữa trưa, họ mang chiếc bát ra và cùng với thường dân cúng dường nhiều lễ vật khác nhau lên đó, kể đến họ dung bữa trưa. Vào buổi tối, khi thắp hương, họ lại mang chiếc bát ra*”. Theo ghi chép của Cao tăng Pháp Hiển, chiếc bát này được cất giữ trong một tu viện Phật giáo có thể chứa hơn bảy trăm nhà sư. (Brancaccio & Kurt Behrendt, 2006, tr. 108)

Hành trình của hai vị Đại sư Trung Hoa, Cao tăng Pháp Hiển và Cao tăng Trí Mẫn (智滿 ?-452) gần như giống hệt nhau, trong khi các nhà hành hương sau này là Cao tăng Tống Vân (宋雲, 520). Tác giả Tống Vân hành ký (宋雲行記) và Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang (630) đã chứng kiến những thay đổi đáng kể trong các hoạt động và tuyến đường hành hương xuyên qua Hindu Kush, dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan. Cả hai vị cao tăng đều cho biết rằng các nhà sư Trung Quốc đang dần biến mất khỏi tầm nhìn công chúng, và số lượng các nhà sư Ấn Độ đến Trung Hoa đột nhiên đã giảm mạnh - chỉ có mười lăm người được ghi lại trong “*Truyện Đường Cao tăng*” (唐高僧傳), một bộ sử liệu về Phật giáo từ đầu triều đại nhà Lương đến giữa triều đại nhà Đường, được biên soạn trong thời nhà Đường, bộ sách gồm ba mươi tập và được viết bởi Nam Sơn Luật Sư Đạo Tuyên (596-667) thời nhà Đường. (Truyện Cao Tăng, 唐高僧傳, Tang Biographies of Eminent Monks).

Hơn nữa, các tuyến đường hành hương cũng thay đổi. Tuyến đường mới này được tiên phong ghi chép bởi Đại sư Jinagupta Jinagupta (金剛智, 523-600?), người đã rời Gandhāra vào khoảng năm 554 và đến Trung Hoa vào năm 557. Sau đó, Dharma-Gupta (法護), vị cao tăng Phật giáo Nam Ấn Độ đến Trung Hoa vào thế kỷ VI-VII và dịch rất nhiều kinh điển Phật học, Ngài tiếp tục cuộc hành hương, du hoá hoằng dương Phật pháp theo cùng tuyến đường này vào năm 570 Tây lịch. (Brancaccio & Kurt Behrendt, 2006)

Cao tăng Jinagupta (金剛智 tên khác 智), nguyên sinh Gandhāra, ngày nay thuộc một phần Pakistan trải rộng đến thung lũng Kabui Afghanistan, vào năm 528 sau Tây lịch, là con trai út của Vajrapala ở Purushapura (thuộc Peshawar, Pakistan ngày nay). Ngài xuất gia, thụ giới cụ túc, trở thành một nhà sư tại Mahavali Vihara dưới sự hướng dẫn của của Đại sư Jnanayasas (智嚴 hay 嚴), một vị cao tăng Phật giáo đến từ Magadha, miền đông Ấn Độ. Ngài được Hoàng đế Trung Hoa, Tùy Văn Đế (trị vì 581-604) công nhận và đã giảng dạy Phật học cho các vị Đại sư Yasogupta và Đại sư Jnanagupta.

Ngài sống dưới triều đại của Đế quốc Hephthalite, đế quốc được thành lập bởi người Bạch Hung Nô sống ở Trung Á vào khoảng thế kỷ V đến thế kỷ VIII. Vào thời điểm này, đất đai cằn cỗi, dân cư thưa thớt, và không có ai cung cấp nước và lương thực cần thiết. Cao tăng Jinagupta đã chỉ ra tình thế chính trị khó khăn của thời đại và ghi lại cách Ngài may mắn thoát khỏi tình huống khó khăn một cách kỳ diệu nhờ sức mạnh siêu nhiên của mình. Ghi chép của Ngài cho thấy toàn bộ khu vực, từng thịnh vượng về Phật giáo, nay đã suy tàn. (Brancaccio & Kurt Behrendt, 2006)

Hai hoặc ba thế hệ sau khi người Bạch Hung Nô, Đế quốc Hephthalite xâm lược vùng đất Gandhāra cổ đại, Cao tăng Tống Vân đã đến thăm vùng đất nền văn minh Gandhāra cổ đại vào năm 520 sau Tây lịch, dưới thời cai trị của người Đế quốc Hephthalite. Theo Ngài, lúc bấy giờ các vị Quốc vương Đế quốc Hephthalite đang ở đỉnh cao quyền lực, nhưng lại là những kẻ bạo ngược, gây ra nhiều cuộc tàn sát trên diện rộng, không theo đạo Phật mà thờ cúng ma quỷ, và gây chiến tranh trong ba năm với người Kasmira vì tranh giành lãnh thổ.

Tuy nhiên, Cao tăng Tống Vân cũng đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của các hoạt động Phật giáo tại trung tâm nền văn minh Gandhāra cổ đại, gần Shahbaz Garhi (hay Shahbazgarhi) là một ngôi làng và địa điểm lịch sử nằm ở Quận Mardan thuộc tỉnh Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan, nhưng Ngài không đề cập đến bất kỳ sự tàn phá hay hủy hoại nào đối với các cơ sở tự viện Phật giáo do các vị Quốc vương Đế quốc Hephthalite gây ra ở khu vực này. Một thế kỷ sau, Đường tăng, Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang cũng đã hành hương chiêm bái thánh địa Phật giáo, nền văn minh Gandhāra cổ đại này.



Theo Ngài, hoàng tộc Vương quốc Gandhāra, một nền văn minh cổ đại rực rỡ nằm ở khu vực Tây Bắc Pakistan và Đông Afghanistan ngày nay đã diệt vong, và quan lại của Vương quốc Kapisa cai trị một số thị trấn và làng mạc hoang vắng, nơi hầu hết người dân theo tà giáo, chỉ có một thiểu số tuân theo Phật pháp chân chính.

Ngài ghi chép rằng hàng nghìn cơ sở tự viện Phật giáo đã bị đổ nát, trở thành những tàn tích hoang phế đầy cây bụi dại, và hầu hết các bảo tháp đều bị hư hại; và khoảng một trăm ngôi đền thờ dị giáo bị những người ngoại đạo chiếm

giữ.

Khi vùng tây bắc bị người Bạch Hung Nô, Đế quốc Hephthalite xâm chiếm, Barniyan và Kapisi không nằm dưới sự kiểm soát chính trị của họ. Sự biến mất của người Bạch Hung Nô, Đế quốc Hephthalite đã thúc đẩy sự trỗi dậy của quyền lực địa phương. Môi trường chính trị vào đầu thế kỷ VII đã trải qua một sự thay đổi cơ bản, với các tuyến đường thương mại qua Hindu Kush, một dãy núi nằm giữa Afghanistan và Pakistan, cũng như các hoạt động Phật giáo và các trung tâm thương mại, chuyển từ Gandhara. (Brancaccio & Kurt Behrendt, 2006).

Những ghi chép của các nhà hành hương chiêm bái Trung Hoa này cung cấp bằng chứng đầy đủ cho thấy Phật giáo đã bắt đầu suy tàn trước khi người Hồi giáo du nhập tiểu lục địa. Phật giáo đã mất dần vị thế ảnh hưởng sâu rộng ở những khu vực này thậm chí còn sớm hơn. Hơn nữa, thực tế lịch sử cho thấy Phật giáo không phải là tôn giáo của toàn bộ khu vực; nhiều hệ thống Hindu, Kỳ Na giáo và các truyền thống bộ lạc hoặc địa phương khác cũng tồn tại vào thời điểm đó. Mặc dù một số các vị Quốc vương Đế quốc Maurya đã sắc lệnh ban hành đạo Phật là quốc giáo, nhưng chưa từng có một đế chế Phật giáo thống nhất, lâu dài nào tồn tại hoặc kiểm soát toàn bộ khu vực sau thời kỳ cai trị của các vị vua Phật giáo này.

Đạo Phật cùng tồn tại với nhiều giáo phái và hệ phái khác nhau, mỗi giáo phái có các vị thần, tín ngưỡng và phong tục riêng. Các ghi chép lịch sử của Trung Hoa cũng lưu giữ những tư liệu quý giá về tín ngưỡng và thực hành ở tiểu lục địa Ấn Độ trong thế kỷ VII và VIII sau Tây lịch. Đường tăng, Tam tạng pháp sư Trần Huyền Trang đã ghi lại những tranh chấp giữa các giáo phái khác nhau, gọi họ là những kẻ dị giáo<sup>5</sup>, và đề cập đến sự tồn tại của 18 giáo phái trong số các Phật tử Ấn Độ. Ngài đã chỉ ra rằng trong chuyến thăm vùng này vào thế kỷ VII, đã có sự ganh tị và cạnh tranh nhất định giữa các Bà La Môn và Sa môn (Thích tử), người tu hành theo chân lý Phật, hướng tới Niết bàn và cứu độ chúng sinh.

Tương tự, trong chuyến hành hương chiêm bái tiểu lục địa ngay sau Đường tăng, Tam tạng pháp sư Trần Huyền Trang, cũng đề cập đến sự chia rẽ giữa các Phật tử, chỉ rõ sự suy tàn của Tăng đoàn Phật giáo và sự suy yếu của đạo Phật. Cũng thế, chúng ta tìm thấy các nguồn sử liệu Hồi giáo thời kỳ đầu cho thấy rằng Phật tử đã tồn tại dọc theo cả hai bờ sông Indus ở Hạ Sindh vào thời điểm người Hồi giáo đến Sindh. Mặc dù ở đây Phật tử có ảnh hưởng, nhưng họ không phải là người cai trị. Chúng ta cũng biết từ các nguồn sử liệu Hồi giáo rằng dân số Phật giáo ở Sindh đã hợp tác với quân đội Hồi giáo chống lại những người cai trị Bà La Môn của họ (Maclean, n.d.).

Theo số liệu thống kê gần đây, số lượng Phật tử ở Cộng hòa Hồi giáo Pakistan rõ ràng là rất ít. Theo Cơ quan đăng ký và quản lý dữ liệu Quốc gia Pakistan (NADRA) chỉ có 1.884 người tự nhận mình là Phật tử. Những Phật tử này chủ yếu sinh sống ở các tỉnh Sindh và Punjab. Theo một du khách đến Taxila năm ngoái (2025) đã chia sẻ với báo Dawn, những Phật tử này, được gọi là Phật tử Bo'ari, là một cộng đồng tự xưng sống ở các vùng nông thôn của Sindh, bao gồm Ghotki, Sanghar, Khairpur, Nawabshah và Nowshahro Firoz. Ông cho biết khoảng 650 gia đình ở Pakistan theo đạo Phật, nhưng do không có cơ sở tự viện Phật giáo hoặc bảo tháp Phật giáo trong khu vực, họ không thể thực hiện các nghi lễ tôn giáo (số lượng Phật tử thực hành ở Pakistan đang giảm dần - Báo chí - DAWN.COM, không rõ năm).

Theo báo cáo, hầu hết Phật tử Paoli, Pakistan không có Thẻ Căn cước Quốc gia vi tính hóa (CNIC), và dân số Phật tử thực tế có thể vượt quá 16.000 người. Tại Punjab, Phật tử chủ yếu sinh sống ở vùng ngoại ô Mandi Yazman và Rahimyar Khan thuộc vùng Rohi. Ngày nay, họ có khoảng 15 khu định cư ở nhiều làng khác nhau tại Mandi Yazman, Pakistan. Tridev Roy, tộc trưởng Chakma người gốc vùng Chittagong và định cư tại Pakistan, là Phật tử nổi tiếng đầu tiên ở Pakistan công khai tuyên bố mình là Phật tử Pakistan. Ông đã thành lập và giữ chức chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Pakistan từ năm 1996 cho đến khi qua đời năm 2012. Một nhân vật nổi bật khác là Lala Rajoo Raam, đại diện cho cộng đồng Phật tử Baori. Ông cũng từng là nghị sĩ Quốc hội đại diện cho khu vực bầu cử Chak số 75 DB và Ủy ban Liên hợp số 88. Ông cũng từng hai lần tranh cử vào Hội đồng lập pháp bang Punjab.<sup>6</sup>

## **Kết luận**

Việc nhận xét các tài liệu lịch sử nêu trên dẫn đến kết luận rằng Phật giáo, cả về mặt tôn giáo và chính trị, bắt đầu suy tàn vào thế kỷ VI-VII sau Tây lịch. Ngay cả quyền lực chính trị và mặt tôn giáo, Phật giáo chưa bao giờ thiết lập được một đế chế, chỉ trải qua một thời kỳ huy hoàng ngắn ngủi dưới triều đại của Ashoka và con trai ông là hoàng tử Mahinda, người đầu tiên đã mang ánh sáng Phật pháp đến Sri Lanka.

Trước khi Hồi giáo du nhập, Phật giáo chia sẻ lòng mộ đạo và các nghi lễ tôn giáo của Bà La Môn giáo với Ấn Độ giáo, vốn là đối thủ chính của Phật giáo. Tương tự, người Bạch Hung Nô, Đế quốc Hephthalite, những kẻ đã xâm lược và cướp phá các cơ sở tự viện Phật giáo, cũng phải chịu trách nhiệm cho sự tàn phá một số di tích Phật giáo. Không phải tất cả sự cướp phá và tàn phá đều do người Hồi giáo gây ra; trong thời kỳ Hồi giáo củng cố quyền lực, Phật tử đã hợp tác với họ ở phía bắc.

Tuy nhiên, cho đến thế kỷ XIII, trong giai đoạn thứ hai hoặc thứ ba của các cuộc xâm lược của người Hồi giáo, người Thổ Nhĩ Kỳ vẫn phá hủy một số di tích Phật giáo. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự tồn tại của nhiều di chỉ khảo cổ, tàn tích và hiện vật cho thấy rằng sự suy tàn của Phật giáo có thể là do sự di cư của các nhà sư, chứ không chỉ đơn thuần là sự phá hủy và cưỡng bức cải đạo như người ta thường nghĩ. Phật giáo dần biến mất ở đây, nhưng đồng thời, nó lại phát triển mạnh mẽ ở nhiều vùng khác của châu Á.

Điều này được chứng thực bởi các ghi chép của các vị cao tăng Phật giáo Trung Hoa: Các vị cao tăng Phật giáo từ Ấn Độ đã vân du hoàng dương phật pháp đến Trung Hoa và Tây Tạng, gieo trồng những mầm mống Phật giáo Ấn Độ đã tàn lụi trên vùng đất mới, và chúng vẫn đang phát triển cho đến ngày nay. Đôi khi những cuộc di cư này là do tình hình thù địch; những lần khác, hoạt động thương mại và buôn bán cũng hỗ trợ cho những chuyến đi như vậy.

### **Chú thích:**

1. Để có cái nhìn tổng quan sâu sắc về cuộc thảo luận khảo cổ học về nền văn minh Phật giáo Gandhāra cổ đại, vui lòng xem: (Brancaccio & Behrendt, 2006; Ray, 2019; R. Samad, 2011)
2. Tác giả đã nhiều lần đến thăm tất cả các khu vực này trong vòng năm năm qua, dẫn dắt nhiều chuyến tham quan học tập đến các địa điểm Phật giáo thuộc vùng Gandhāra cổ đại.
3. Phật giáo ở Pakistan. Bởi một Phật tử người Pakistan. Ấn bản thứ 4 (Nhà xuất bản Pakistan, 1963).
4. Phật giáo Đại thừa là một trong hai nhánh chính của Phật giáo. Ngày nay, tín đồ của Phật giáo Đại thừa chủ yếu được tìm thấy ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Việt Nam, Tây Tạng, Thái Lan, Malaysia và Mông Cổ.
5. Ví dụ, ông đề cập đến những người dị giáo mà ông đã tranh luận và bác bỏ, trong đó có một Bà La Môn thuộc trường phái trường phái Triết học duy vật khoái lạc (Lokāyata School) (xem: Samuel Beal. Cuộc đời của Tam tạng Pháp sư Trần Huyền Trang) (London: Kegan Paul, 1911) trang 75).
6. (Số lượng Phật tử thực hành đạo tại Pakistan đang giảm dần - Báo chí - DAWN.COM, không rõ năm).

### **Nguồn tham khảo:**

1. Brancaccio, P., & Behrendt, K. A. (Eds.). (2006). *Gandhāran Buddhism: Archaeology, art, texts*.
2. UBC Press.
3. Brancaccio, P., & Kurt Behrendt. (2006). *Gandharan Buddhism: Archaeology, Art, Text*. UBC Press.
4. *Buddhism in Pakistan*. By a Pakistani Buddhist. 4th Impression. (1963). Pakistan Publications. Frye, R. N. (1984). *The History of Ancient Iran*. C.H.Beck.
5. Hassan, A. (2017). *The Buddha Remains: Heritage Transactions in Taxila, Pakistan* Springer. In T. Rico (Ed.), *The Making Of Islamic Heritage* (pp. 109-123). Springer Singapore.
6. Hirakawa, A. (1993). *A History of Indian Buddhism: From Śākyamuni to Early Mahāyāna*. Motilal Banarsidass Publ.
7. Johan Elverskog. (2010). *Buddhism and Islam on the Silk Road*. University of Pennsylvania Press Philadelphia.
8. Long Read: A Pakistani homeland for Buddhism: Buddhist art, Muslim nationalism and global public history. (2019, July 22). South Asia@LSE. <https://blogs.lse.ac.uk/southasia/2019/07/22/long-read-a-pakistani-homeland-for-buddhism-buddhist-art-muslim-nationalism-and-global-public-history/>
9. Maclean, D. N. (n.d.). *Religion and society in Arab Sind*. McGill University. Retrieved 2 September 2022, from <https://escholarship.mcgill.ca/concern/theses/3b5919199>
10. Nicholson, A. J. (2013). *Unifying Hinduism: Philosophy and Identity in Indian Intellectual History*.
11. Columbia University Press.
12. Number of practicing Buddhists in Pakistan dwindling—Newspaper—DAWN.COM. (n.d.). Retrieved 30 August 2022, from <https://www.dawn.com/news/1651110/number-of-practicing-buddhists-in-pakistan-dwindling>
13. Ray, H. P. (2019). *Buddhism and Gandhara: An Archaeology of Museum Collections*. Taylor & Francis Group.

14. Remembering Pakistan's Buddhist past | The Express Tribune. (2022, June 11). <https://tribune.com.pk/story/2361090/remembering-pakistans-buddhist-past>
15. Samad, R. (2011). The Grandeur of Gandhara: An Ancient Kingdom of Pakistan. Algora Publishing. Samad, R. U. (2011). The Grandeur of Gandhara: The Ancient Buddhist Civilization of the Swat, Peshawar, Kabul and Indus Valleys. Algora Publishing.
16. Peshawar, Kabul and Indus Valleys. Algora Publishing.
17. The Gilgit Manuscripts, the Oldest Manuscript Collection Surviving in Pakistan and India: History of Information. (n.d.). Retrieved 1 September 2022, from <https://www.historyofinformation.com/detail.php?id=4213>

Tác giả: **Tiến sỹ Munazza Batool**/Việt dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: <https://pjsr.com.pk>